

Bản án số: 84/2025/DS-PT
Ngày 26/5/2025
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 và ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2024/TLPT-DS ngày 08/10/2024 về "Tranh chấp thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 270/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số C đường B, tổ E, phường H, TP., tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Mai Đức L, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Đức L: Bà Đàm Thị V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Đức L: Ông Lưu Bình D – Luật sư Văn phòng L4; Địa chỉ: Số A, ngõ E đường X, tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Mai Thị H, sinh năm: 1950 (chết năm 2016).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H:

- Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1972 (con gái của bà H).

Địa chỉ: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1979 (con gái của bà H).

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

3.2. Bà Mai Thị B, sinh năm 1955; (Vắng mặt).

3.3. Bà Mai Thị L1, sinh năm 1959; (Vắng mặt).

3.4. Bà Mai Thị H2, sinh năm 1962; (Vắng mặt).

3.5. Ông Mai Văn C1, sinh năm 1964; (Có mặt).

3.6. Bà Mai Thị N, sinh năm 1971; (Vắng mặt).

3.7. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1959; (Có mặt).

3.8. Anh Mai Quốc H3, sinh năm 1984; (Vắng mặt).

3.9. Anh Mai Văn H4, sinh năm 1977; (Có mặt).

Đều cùng địa chỉ: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L2, ông Mai Văn H4, ông Mai Quốc H3: Bà Đàm Thị V, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố T (Vắng mặt).

3.10. Ông Nguyễn Đình G, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm N, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn S, bà Mai Thị B, bà Mai Thị H2, bà Mai Thị N, bà Mai Thị L1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T: Luật sư Vũ Văn C thuộc Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Mai Văn S trình bày: Bố mẹ của ông là cụ Mai Văn D1, sinh năm 1924, chết năm 1991 và cụ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1924, chết năm 1981. Bố mẹ ông sinh được 09 người con gồm:

- Bà Mai Thị H (đã chết không có chồng, bà H có 02 con, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị T).

- Ông Mai Văn C2 (liệt sĩ) không có vợ con.

- Bà Mai Thị B, ông Mai Đức L, bà Mai Thị L1, bà Mai Thị H2, ông Mai Văn C1, bà Mai Thị N và ông là Mai Văn S.

Bố mẹ ông chết để lại tài sản là nhà đất tại thửa số 1327, tờ bản đồ số 12, diện tích 949m², địa chỉ thửa đất: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Đất ruộng thửa số 1348, tờ bản đồ 12, diện tích 590m² tại cánh đồng C, xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Giá trị của khối di sản khoảng 800.000.000 đồng.

Nguồn gốc các thửa đất 1327 và 1348, tờ bản đồ 12 là do bố mẹ ông khai phá, tạo lập và có nguồn gốc của hợp tác xã đã được bố mẹ ông sử dụng ổn định lâu dài và không tranh chấp với ai. Trước đây, bố mẹ ông được cấp sổ bìa xanh nhưng Hợp tác xã đã thu lại và sau đó cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng giấy tờ nhà đất đã thất lạc. Sau này, ông Mai Đức L khi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã khẳng định nội dung mất sổ gốc, đất do bố mẹ để lại. Trước khi bố mẹ ông chết, trên đất có nhà cấp 4 có 05 gian lợp ngói và 01 nhà bếp nhỏ xây 03 gian lợp ngói và các công trình phụ khác do bố mẹ xây dựng và sử dụng từ năm 1969. Nhà và bếp của bố mẹ đã bị ông L đã tự ý phá dỡ khoảng năm 1993. Hiện nay, trên đất có các tài sản gồm:

+ 01 nhà cấp 4, kiểu nhà ống lợp tôn do anh M Quốc Huy là con ông L xây dựng năm 2016 và anh H3 đang quản lý, sử dụng;

+ 01 nhà cấp 4 ba gian, mái bằng do ông L xây năm 1993 và ông L đang quản lý sử dụng;

+ 01 nhà cấp 4, kiểu nhà ống, mái bằng do anh Mai Văn H4 là con ông L xây dựng năm 2020 và anh H4 đang quản lý sử dụng.

Toàn bộ các ngôi nhà nêu trên ông L và các con tự ý xây dựng và không được sự đồng ý của anh chị em.

Cho đến hiện nay, các anh, chị, em trong gia đình mới biết việc ông L tự ý làm thủ tục kê khai và sang tên toàn bộ nhà đất của bố mẹ để lại. Đến năm 1998 ông L đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, khi xem xét hồ sơ giấy tờ, ông được biết ông L có đơn xin đăng ký biến động từ ngày 17/7/1998 nguồn gốc ghi là: “Bố mẹ để lại” và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/12/1999. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L là cấp chồng vào phần đất của bố mẹ ông để lại. Phần đất này là di sản của bố mẹ ông chết thì các con chưa thỏa thuận về việc phân chia tài sản của bố mẹ ông và hiện nay các di sản này được coi là tài sản chung có nguồn gốc thừa kế và các người con là 08 anh chị em chưa thỏa thuận phân chia.

Năm 2020, ông đã có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên để yêu cầu giải quyết về việc chia thừa kế tài sản nêu trên của bố mẹ. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, trong quá trình tố tụng ông chưa tiến hành thu thập đủ chứng cứ tài liệu để giải quyết vụ án nên ông đã rút đơn khởi kiện.

Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Xác định tài sản là thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12, diện tích 949 m², địa chỉ tại: Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và đất ruộng thừa 1348, tờ bản đồ 12, diện tích 590m² tại cánh đồng C, Xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên là tài sản chung của 09 anh chị em.

2. Phân chia tài sản chung: 02 thửa đất nêu trên bằng đất hoặc phân chia theo giá trị trích trả bằng tiền cho 09 anh chị em thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Mai Đức L trình bày: Về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc 2 thửa đất đúng như nguyên đơn trình bày. Ông xác định đất do bố mẹ ông đã khai phá ở khu dân cư nông thôn đã được UBND xã xác nhận trong sổ quản lý đất đai và nộp thuế hàng năm. Khi các con lần lượt lập gia đình và ra ở riêng đã được bố mẹ cho tiền và tài sản; còn lại em gái là Mai Thị N cùng sống với bố mẹ tại thửa đất trên. Năm 1981 mẹ chết, đến năm cuối năm 1989 đến đầu năm 1990 bố mất. Trước khi chết theo ý nguyện của bố là con trai về ở thờ cúng tổ tiên, ông bà. Vợ chồng con cái ông đã chuyển đến mảnh đất này sinh sống và phá nhà cũ làm nhà mới như hiện nay.

Cuối năm 1990 em gái ông là bà N đi lấy chồng, vợ chồng ông đã đứng ra tổ chức đám cưới và có cho em gái một khoản tiền. Do ông Mai Văn S bỏ nhà đi lâu ngày, đến đầu năm 1991 ông S lấy vợ, vợ chồng ông cũng đứng ra tổ chức cưới

hỏi cho em, ông S tại thời điểm đó không có nhu cầu ở trên mảnh đất này nên đã mua và xây nhà ở chỗ khác, khi mua đất và xây nhà vợ chồng ông cũng đã đưa cho ông S một số tiền và vàng, khi đưa tiền, vàng vì là anh em ruột nên không viết giấy tờ mua bán và biên nhận tiền.

Đầu năm 1991 ông dỡ ngôi nhà cũ xuống cấp của bố mẹ để xây nhà trên thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12, diện tích 949 m². Khi xây nhà tất cả anh chị em đều biết và không có bất kỳ ai có ý kiến gì, nhiều anh em còn đến giúp và chúc mừng. Ngôi nhà đó từ khi xây đến nay gia đình ông sinh sống không có tranh chấp với ai. Thửa đất số 1348, tờ bản đồ số 12, diện tích 590m² từ năm 1991 loại đất trồng lúa đến nay gia đình vẫn canh tác ổn định.

Năm 1993 thực hiện luật đất đai của nhà nước, ông là người quản lý di sản thừa kế đất đai của bố mẹ để lại, ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào 1994 mang tên Mai Văn L3. Do gia đình sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp, đến 1999 khi Nhà nước quy chuẩn đất đai theo bản đồ địa chính gia đình ông đã được Nhà nước cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên mang tên hộ Mai Đức L. Do bìa cấp năm 1999 là bìa hộ, đến năm 2022 gia đình ông đã thống nhất chuyển từ bìa hộ sang bìa cá nhân mang tên vợ chồng ông Mai Đức L và bà Nguyễn Thị L2 thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12, trong đó có 400m² đất ONT và 549m² đất BHK. Thửa đất số 1348, tờ bản đồ số 12, diện tích 590m² cũng đã được Nhà nước cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông.

Nay ông S kiện chia tài sản chung, ông không nhất trí vì khẳng định toàn bộ đất đai của ông đang quản lý và được cấp Giấy chứng nhận mang tên ông hiện nay có nguồn gốc đất đai thừa kế của bố mẹ để lại, không phải là tài sản chung của bất kỳ ai trong 9 người con. Do đó việc khởi kiện chia tài sản chung là không có căn cứ pháp lý nào chứng minh. Gia đình ông đã sử dụng ổn định hai thửa đất trên từ năm 1990 và đã được Nhà nước cấp đổi GCNQSDĐ đến 3 lần, đã xây dựng trên thửa đất số 1327 ba ngôi nhà kiên cố cho các con cháu sinh sống, do vậy việc ông S nêu rõ trong đơn khởi kiện thực chất là xác định tranh chấp về thừa kế và đã hết thời hiệu chia thừa thừa kế.

Ông đề nghị: Bác đơn khởi kiện của ông Mai Văn S xác định di sản thừa kế là tài sản chung để yêu cầu chia. Công nhận đây là di sản thừa kế theo luật, nhưng đã hết thời hiệu chia thừa kế. Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất là tài sản riêng của vợ chồng ông tại thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12, diện tích 949m² trong đó có 400m² đất ONT và 549 m² đất BHK đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/8/2022 và thửa đất số 1348, tờ bản đồ số 12, diện tích 590m² loại đất trồng lúa đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/3/2017.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Mai Thị B, bà Mai Thị H2, bà Mai Thị N, bà Mai Thị L1, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị T, ông Mai Văn C1 trình bày cùng quan điểm như nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị L2 là vợ ông L, anh Mai Văn H4 và anh Mai Quốc H3 là con của bà L2 và ông L có cùng quan điểm với ông L.

Với nội dung nêu trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Ông Mai Văn S, bà Mai Thị H (Đã chết có 02 con Hoàng Thị H1, Hoàng Thị T), bà Mai Thị B, bà Mai Thị L1, bà Mai Thị H2, ông Mai Văn C1, bà Mai Thị N được quyền sử dụng 263m² tại thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12. Trong đó có 200m² đất ở và 63m² đất trồng cây lâu năm. Tương ứng 203.000.000 đồng gồm 02 vị trí:

- Vị trí thứ nhất: Có mốc A, B, C, D, 11, 10, 9, 8, 7, A = 129,8 m².

- Vị trí thứ hai: Có mốc 4, 5, 22, 21, 4 = 133,2 m².

- Ông Mai Văn S, bà Mai Thị H (Đã chết có 02 con Hoàng Thị H1, Hoàng Thị T), bà Mai Thị B, bà Mai Thị L1, bà Mai Thị H2, ông Mai Văn C1, bà Mai Thị N được quyền sử dụng 281,7m² đất tại thửa đất số 1348, tờ bản đồ số 12. Tương ứng 21.972.600 đồng. Địa chỉ thửa đất ở xóm B, xã L, thành phố T. Có mốc 1, 2, i, h, g, f, 7, 8, 1.

2. Ông Mai Đức L được quyền sử dụng 595,4m² tại thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12. Trong đó có 200m² đất ở và 395,4 m² đất trồng cây lâu năm. Tương ứng 349.976.000 đồng gồm 03 vị trí:

- Vị trí thứ nhất: Có mốc A, B, C, D, 22, 5, 6, A = 283,4 m².

- Vị trí thứ hai: Có mốc 1, 2, 3, 4, 21, 17, 18, 19, 20, 1 = 154,1m².

- Vị trí thứ ba: Có mốc D, E, 11, 12, 13, 14, F, 15, 16, 17, 21, 22, D = 157,9 m².

3.. Ông Mai Đức L được quyền sử dụng 281,7m² đất tại thửa đất số 1348, tờ bản đồ số 12. Tương ứng 21.972.600 đồng. Địa chỉ thửa đất ở xóm B, xã L, thành phố T. Có mốc c, k, 3, i, h, m, c. Vị trí diện tích đất và các mốc có sơ đồ kèm theo.

4. Buộc ông Mai Đức L phải nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ quan cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, thu hồi và điều chỉnh sự biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Ông Mai Văn S, bà Mai Thị H (Đã chết có 02 con Hoàng Thị H1, Hoàng Thị T), bà Mai Thị B, bà Mai Thị L1, bà Mai Thị H2, ông Mai Văn C1, bà Mai Thị N, ông Mai Đức L có quyền đi làm thủ tục để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2024 bị đơn ông Mai Đức L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy một phần bản án vì lý do áp dụng pháp luật không đúng, vi phạm nghiêm trọng, cần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; sửa một phần bản án công nhận yêu cầu của bị đơn theo nội dung phản tố. Bản án sơ thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện và xác định vẫn còn thời hiệu chia thừa kế là không

đúng, nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng bản án giải quyết chia thừa kế là không đúng với yêu cầu khởi kiện, bản án xác định còn thời hiệu chia thừa kế theo Pháp lệnh Nhà ở nhưng khi giải quyết lại không xác định di sản là nhà ở của cụ Mai Văn D1 có bao nhiêu mét vuông mà căn cứ diện tích đất có trong GCNQSDĐ của bị đơn để chia là trái quy định của pháp luật thừa kế về nhà ở vì di sản chỉ được xác định là diện tích đất có nhà ở, bản án áp dụng Pháp lệnh về nhà ở để chia cả đất ruộng là không đúng, toàn bộ di sản đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị công nhận cho ông L QSD đất hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thoả thuận về cách thức giải quyết vụ án như sau:

- Nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với thừa đất ruộng số 1348, tờ bản đồ số 12, diện tích 590m² tại cánh đồng C, xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và bị đơn cũng đồng ý.

- Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn chỉ yêu cầu được lấy một phần diện tích đất 177,8m² theo các điểm từ điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 27, 26, 6, (trong đó có 120m² đất ở có giá trị 120m² x 880.000đ/m² = 105.600.000đồng và 57,8m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 57,8m² x 440.000đ/m² = 25.432.000 đồng, tổng giá trị là: 131.032.000 đồng). Bị đơn ông L có trách nhiệm dỡ bỏ các phần nhà cũ có trên diện tích đất được chia cho ông S trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để trả lại đất cho ông C1. Ông S và những người liên quan đứng về phía ông S đều nhường cho ông C1 được toàn quyền sử dụng diện tích này. Về công trình phụ nằm trong lòng đất thuộc diện tích đất ông C1 thì ông C1 được quản lý, sử dụng và định đoạt. Ông Mai Đức L cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L đều nhất trí.

- Ông Mai Đức L và gia đình ông L được quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích còn lại là 680,4m² (trong đó có 280m² đất ở có giá trị 280m² x 880.000đ/m² = 246.400.000đồng và 400,4m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 400,4m² x 440.000đ/m² = 176.176.000đồng, tổng giá trị 422.576.000đồng) theo các điểm từ điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 26, 27, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 1.

- Về chi phí tố tụng: Như chi phí thẩm định, định giá tài sản, trích đo vẽ bản đồ đôi bên đã thoả thuận thống nhất và chi phí xong nên Hội đồng không xem xét đối với nội dung này.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Tại cấp phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, thấy rằng sự thoả thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm các bên đương sự đều là anh em ruột trong nhà vì vậy đã tự nguyện thoả thuận được toàn bộ việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự thoả thuận với nhau về cách thức giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thoả thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được ghi nhận theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng các đương sự đã thoả thuận trên.

[2]. Tại phiên toà phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Mai Đức L. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn S đối với thửa đất ruộng số 1348, tờ bản đồ số 12, diện tích 590m² tại cánh đồng C, xóm B, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên do ông S rút yêu cầu khởi kiện.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Ông Mai Văn C1 được quyền sử dụng 177,8m² tại thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12. Trong đó có 120m² đất ở và 57,8m² đất trồng cây lâu năm có giá trị: 131.032.000 đồng theo các điểm từ điểm 6, 7, 8, 9, 10, 11, 27, 26, 6 (có sơ đồ đo đạc kèm theo bản án). Ông L và gia đình ông L có trách nhiệm dỡ bỏ các phần nhà cũ có trên diện tích đất được chia cho ông C1 trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên bản án phúc thẩm (26/5/2025) để trả lại đất cho ông C1. Về công trình phụ nằm trong lòng đất thuộc diện tích đất chia cho ông C1 thì ông C1 được quản lý, sử dụng và định đoạt.

- Ông Mai Đức L và gia đình ông L được quản lý, sử dụng toàn bộ phần diện tích còn lại là 680,4m² tại thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 12. Trong đó có 280m² đất ở và 400,4m² đất trồng cây lâu năm có giá trị 422.576.000đồng theo các điểm từ điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 26, 27, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 1 (có sơ đồ đo đạc kèm theo bản án).

Ông Mai Văn C1 và ông Mai Đức L cùng gia đình ông L có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Đồi bên đã chi phí, thực hiện xong.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho ông Mai Văn S và ông Mai Văn L3 do là người cao tuổi. Trả lại cho ông S số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000599 ngày 31/01/2023.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Mai Văn L3 do là người cao tuổi.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- UBND TP Thái Nguyên;
- UBND xã Linh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản